TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1634/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ

2. Bà Đặng Thị Thanh Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 2141/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4247/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5123/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thụy Quỳnh G, sinh năm 1981

Địa chỉ: số A đường T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: số C Đường B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thụy Quỳnh G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thụy Quỳnh G và ông Huỳnh Thanh T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 17/8/2020.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, ông T1 có hành vi bạo hành làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của bà G, có lần ông T1 đánh bà, đổ xăng và đe dọa sẽ giết bà G. Mặc dù bà đã nhiều lần nhẫn nhịn tuy nhiên tính tình ông T1 vẫn không thay đổi. Bà G lo sợ thiệt hại đến tính mạng nên đã dọn đi nơi khác sinh sống. Đến nay bà G rất sợ phải gặp gỡ, đối diện với ông T1 nên không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, bà G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Huỳnh Thanh T1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập ông T1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông T1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thụy Quỳnh G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hoàng Thụy Quỳnh G được ly hôn ông Huỳnh Thanh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Huỳnh Thanh T1 cư trú tại địa chỉ số C Đường B, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Hoàng Thụy Q Giao yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Thanh T1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 30/5/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thụy Quỳnh G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 17/8/2020 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thụy Quỳnh G và ông Huỳnh Thanh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông T1 đã xảy ra những mâu thuẫn do không có sự hòa hợp. Đến nay đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn gần gũi, chăm sóc lẫn nhau. Bản thân bà G đã chủ động tách ra sống riêng và không có mong muốn hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình. Bên cạnh đó ông T1 đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T1 không đến đã thể hiện tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thụy Q Giao được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1 theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà G khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà G phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thụy Q Giao:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thụy Quỳnh G được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 17/8/2020 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng bà Hoàng Thụy Q Giao phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà G đã nộp theo biên lai thu tiền số 0043802 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CC THADS Tp . Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND Px;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Lưu